

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2021/KDTM-ST**

Ngày: 15-4-2021

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Lan Phương và bà Trần Thị Ngọc Quyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Thi, Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, mở phiên tòa công khai để xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 51/2020/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2021/QĐST-KDTM ngày 16/3/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam (viết tắt BIDV); địa chỉ: Tháp BIDV 35 Hàng V, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức T – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hồ Mộng Th; địa chỉ: 41 Hùng V phường Phú H , thành phố H(Văn bản ủy quyền số 804/QĐ-BIDV ngày 22/8/2019).

Người được ủy quyền lại của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thái L; địa chỉ: 41 Hùng V, phường Phú H, thành phố H(Văn bản ủy quyền số 0493a/QĐ-BIDV.TTH ngày 01/11/2019). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần DTA ; địa chỉ: thôn Bắc Triều V, xã Phong H, huyện Phong Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Ngọc L– Tổng Giám đốc công ty. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng L và bà Lê Thị Ý; địa chỉ: thôn Triều D, xã Phong H, huyện Phong Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Căn cứ thỏa thuận về việc tài trợ vốn giữa Nhân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Công ty cổ phần DTA tại Hợp đồng tín dụng số 02/2017/6075862/HĐTD ngày 06/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6075862/HĐTD ngày 01/02/2018 với những nội dung cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 02/2017/6075862/HĐTD ngày 06/12/2017

+ Số tiền cho vay: 1.645.000.000đ

+ Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6075862/HĐTD ngày 01/02/2018

+ Số tiền cho vay: 4.561.000.000đ

+ Mục đích vay: Đầu tư máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo nội dung tại các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam – Chi nhánh Thừa Thiên Huế đã thực hiện giải ngân cho Công ty cổ phần DTA với tổng số tiền cả 02 hợp đồng là: 6.206.000.000 đồng, quá trình trả nợ Công ty cổ phần DTA đã trả được cho ngân hàng số tiền 1.749.727.945 đồng (trong đó tiền gốc: 1.460.000.000 đồng; tiền lãi: 289.727.945 đồng).

Tính đến ngày 20/10/2020, Công ty cổ phần DTA còn nợ Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam số tiền: 6.082.355.266 đồng, trong đó nợ gốc: 4.746.000.000 đồng; nợ lãi 1.336.355.266 đồng, Cụ thể như sau:

Số hợp đồng tín dụng	Dư nợ gốc	Dư lãi trong hạn	Dư lãi quá hạn
Hợp đồng tín dụng số 02/2017/6075862/HĐTD ngày 06/12/2017	1.084.000.000đ	277.555.090đ	34.722.797đđ
Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6075862/HĐTD ngày 01/02/2018	3.662.000.000đ	889.131.080đ	134.946.299đ
TỔNG CỘNG	4.746.000.000đ	1.166.686.170đ	169.669.096đ

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, Công ty cổ phần DTA và các bên thứ ba đã thế chấp các tài sản cho BIDV theo các Hợp đồng thế chấp như sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/6075862/HĐBĐ ngày 06/12/2017 gồm có 03 tài sản: Máy đào bánh xích HITACHI EX200LC-2: xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 1991, số khung: 147-67025, số động cơ: 6BD1-722871; Máy đào bánh xích HUYNDAI ROBEX 2800KLC: xuất xứ: Hàn Quốc, năm sản xuất: 1996, số khung: E901CD11130,

số động cơ: D6AUT162286-C; Máy đào bánh xích HITACHI EX200-2M, xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 1992, số khung: 147-70678, số động cơ: 6BD1-733696.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/6075862/HĐBĐ ngày 01/02/2018 gồm có 06 tài sản: Máy ủi bánh xích Komatsu D37P-5A: xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 1994, số khung: D37P5-3406, số động cơ: 4D95L – 140410; Xe lu BOMAG BW 213D-40: xuất xứ: Germany, năm sản xuất: 2016, số khung: 101582441647, số động cơ: 11902686BF4M2012C; Máy đào bánh xích Komatsu PC 200-8: xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 2006, số khung: KMTPC180C02305951, số động cơ: 6D107 – 26504650; Máy đào bánh xích Komatsu PC 300LC -8: xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 2008, số khung: KMTPC191C02061006, số động cơ: SAA6D114E-3; Máy đào bánh xích KOBELCO 350LC: xuất xứ: United states of America, năm sản xuất: 2007, số khung: YC08U1674, số động cơ: J08ETM10462; Xe đào bánh xích HUYNDAI ROBEX 2900LC-7: xuất xứ: KOREA (REPUBLIC), năm sản xuất: 2004, số khung: N80211200, số động cơ: D6AZ4092822.

- Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/6075862/HĐBĐ ngày 23/11/2018 gồm có 02 tài sản: Quyền sử dụng đất của thửa đất số 599, tờ bản đồ 02 tại Thôn Lương M, xã Phong Ch, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 567953 do UBND huyện Phong Điền cấp cho Ông Hoàng L và bà Lê Thị Y ngày 13/11/2009 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00212; Quyền sử dụng đất của thửa đất số 592, tờ bản đồ 02 tại Thôn Lương M, xã Phong Ch, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 567954 do UBND huyện Phong Điền cấp cho Ông Hoàng L và bà Lê Thị Y ngày 13/11/2009 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00212.

Các hợp đồng thế chấp này đều được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 04/9/2018, Công ty cổ phần DTA bắt đầu quá hạn các khoản nợ gốc và lãi đến hạn của các khoản vay tại Ngân hàng. BIDV đã nhiều lần thông báo và mời bị đơn lên làm việc nhưng phía bị đơn vẫn có tình không trả nợ cho BIDV.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP ĐPT Việt Nam đã khởi kiện ra Tòa án. Tính đến ngày 15/4/2021, Công ty cổ phần DTA còn nợ BIDV tổng số tiền 6.512.912.356 đồng Trong đó nợ gốc 4.746.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.413.842.246 đồng, nợ lãi quá hạn 353.070.110 đồng.

Ngân hàng TMCP ĐPT Việt Nam yêu cầu Tòa án buộc Công ty cổ phần DTA phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP ĐPT Việt Nam toàn bộ số tiền còn nợ 6.512.912.356 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi Công ty cổ phần DTA thanh toán hết số tiền còn nợ theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Nếu Công ty cổ phần DTA không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, căn cứ vào các hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai và bất động sản đã ký

kết, Ngân hàng TMCP ĐTPT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản dùng bảo đảm cho các khoản vay để thu hồi nợ. Trường hợp đã xử lý các tài sản thế chấp nhưng vẫn không đủ để thu hồi nợ, thì buộc Công ty cổ phần DTA có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho BIDV đến khi trả hết số tiền nợ còn thiếu.

Phía bị đơn, Công ty cổ phần DTA : Tòa án đã nhiều lần đến địa chỉ trụ sở để tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không có người nhận nên đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, phía bị đơn vẫn không đến làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải được.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ông Hoàng L và bà Lê Thị Ý trình bày: Ông, bà thừa nhận có ký các hợp đồng thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất của hai thửa đất số 599, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 592, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Lương M, xã Phong Ch, huyện Phong Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế để bảo đảm cho khoản vay của Công ty cổ phần DTA tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam. Việc vợ chồng ông ký kết các hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc. Nay ông L, bà Ý đề nghị BIDV cho vợ chồng ông được nộp vào số tiền 165.000.000 đồng để lấy các tài sản thế chấp ra nhưng không được BIDV chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Phía nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

[2] Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần DTA phải trả cho Ngân hàng TMCP ĐTPT Việt Nam số tiền: 6.512.912.356 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ kể từ ngày 16/4/2021 cho đến khi Công ty cổ phần DTA thanh toán hết số tiền còn nợ theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Nếu Công ty cổ phần DTA không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, căn cứ vào các hợp đồng thế chấp tài sản và bất động sản đã ký kết, Ngân hàng TMCP ĐTPT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi đối với các tài sản dùng bảo đảm cho các khoản vay để thu hồi nợ. Trường hợp đã xử lý các tài sản thế chấp nhưng vẫn không đủ để thu hồi nợ, thì buộc Công ty cổ phần DTA có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho BIDV đến khi trả hết số tiền nợ còn thiếu.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần DTA phải trả số tiền còn nợ cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam, chi nhánh Thừa Thiên Huế có địa chỉ tại 41 Hùng V, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Hthụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn Công ty cổ phần DTA đến làm việc nhưng bị đơn không đến. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Đối với khoản tiền nợ gốc: Công ty cổ phần DTA và Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam, đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 02/2017/6075862/HĐTD ngày 06/12/2017 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/6075862/HĐTD ngày 01/02/2018 để vay tổng số tiền là 6.206.000.000 đồng, sau khi ký các hợp đồng tín dụng thì phía BIDV đã giải ngân toàn bộ số tiền này cho Công ty cổ phần DTA. Quá trình trả nợ, Công ty cổ phần DTA đã trả được cho BIDV số tiền 1.749.727.945 đồng (trong đó tiền gốc: 1.460.000.000 đồng; tiền lãi: 289.727.945 đồng), nhưng kể từ ngày 04/9/2018 bắt đầu quá hạn các khoản nợ gốc và lãi đến hạn của các khoản vay tại BIDV. Mặc dù BIDV đã nhiều lần làm việc, gửi thông báo yêu cầu trả nợ nhưng Công ty cổ phần DTA vẫn không có thiện chí để trả nợ nên BIDV đã khởi kiện ra Tòa án, yêu cầu Công ty cổ phần DTA phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 4.746.000.000 đồng và tiền lãi. Xét thấy, các hợp đồng tín dụng được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung lẫn hình thức, Công ty cổ phần DTA vi phạm nghĩa vụ như thỏa thuận nên việc BIDV khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Công ty cổ phần DTA trả nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

- Đối với khoản tiền lãi: Theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng lãi suất trong hạn là 11% và được điều chỉnh 06 tháng 01 lần. Ngày 01/01/2019, BIDV có Thông báo giảm lãi suất còn 10,8%, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn nên việc BIDV áp dụng mức lãi suất là 10,8% để tính tiền lãi trong hạn với số tiền 1.413.842.246 đồng và áp dụng mức lãi suất 16,2% để tính tiền lãi quá hạn với số tiền 353.070.110 đồng là có cơ sở nên cần chấp nhận.

Vì vậy, cần buộc Công ty cổ phần DTA phải trả cho BIDV tổng số tiền 6.512.912.356 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày 16/4/2021 Công ty cổ phần DTA còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền còn nợ cho đến khi trả hết số tiền còn nợ theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

- Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Các Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai và Hợp đồng thế chấp bất động sản được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng quy định của pháp luật cả về nội dung lẫn hình thức; các hợp đồng này, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Theo cam kết của bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản thì bên thế chấp đồng ý dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của bên được bảo đảm với ngân hàng bao gồm nợ gốc, nợ lãi, các khoản chi phí khác... Do đó, trong trường hợp Công ty cổ phần DTA không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì BIDV có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/6075862/HĐBĐ ngày 06/12/2017, Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/6075862/HĐBĐ ngày 01/02/2018, Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/6075862/HĐBĐ ngày 23/11/2018 để thu hồi nợ.

Trường hợp đã xử lý các tài sản thế chấp nhưng vẫn không đủ để thu hồi nợ, thì buộc Công ty cổ phần DTA có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho BIDV đến khi trả hết số tiền nợ còn thiếu.

- Đối với ý kiến của ông L, bà Yxin được nộp vào BIDV số tiền 165.000.000đồng để BIDV giải chấp hai tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của hai thửa đất số 599, tờ bản đồ số 02 và thửa đất số 592, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Lương M, xã Phong Ch, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo điểm a khoản 1 Điều 4 quy định về phạm vi nghĩa vụ bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/6075862/HĐBĐ ngày 23/11/2018, các bên đã thỏa thuận tài sản thế chấp để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ không giới hạn bao gồm nợ gốc, nợ lãi, các khoản chi phí...Mặt khác, ý kiến này không được phía BIDV đồng ý nên không có cơ sở để xem xét và chấp nhận ý kiến trên của ông L, bà Y.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Ngân hàng TMCP ĐPT Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng, đã nộp đủ.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu án phí trên số tiền trên số tiền nguyên đơn yêu cầu được Tòa án chấp nhận, cụ thể:

- Công ty cổ phần DTA phải chịu: $[112.000.000\text{đồng} + (2.512.912.356\text{đồng} \times 0,1\%)] = 114.512.912\text{ đồng}$.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐPT Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.027.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000496 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 299, 317, 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần DTA trả cho Ngân hàng TMCP ĐPTT Việt Nam số tiền 6.512.912.356 đồng (Trong đó nợ gốc 4.746.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 1.413.842.246 đồng, nợ lãi quá hạn 353.070.110 đồng).

Kể từ ngày 16/4/2021, Công ty cổ phần DTA còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên tiền còn nợ cho đến khi trả hết số tiền này theo mức lãi suất tại các hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết.

Trường hợp Công ty cổ phần DTA không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu xử lý các tài sản đảm bảo là:

- Máy đào bánh xích HITACHI EX200LC-2: xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 1991, số khung: 147-67025, số động cơ: 6BD1-722871; Máy đào bánh xích HUYNDAI ROBEX 2800KLC: xuất xứ: Hàn Quốc, năm sản xuất: 1996, số khung: E901CD11130, số động cơ: D6AUT162286-C; Máy đào bánh xích HITACHI EX200-2M, xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 1992, số khung: 147-70678, số động cơ: 6BD1-733696 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2017/6075862/HĐBĐ ngày 06/12/2017.

- Máy ủi bánh xích Komatsu D37P-5A: xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 1994, số khung: D37P5-3406, số động cơ: 4D95L – 140410; Xe lu BOMAG BW 213D-40: xuất xứ: Germany, năm sản xuất: 2016, số khung: 101582441647, số động cơ: 11902686BF4M2012C; Máy đào bánh xích Komatsu PC 200-8: xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 2006, số khung: KMTPC180C02305951, số động cơ: 6D107 – 26504650; Máy đào bánh xích Komatsu PC 300LC -8: xuất xứ: Nhật Bản, năm sản xuất: 2008, số khung: KMTPC191C02061006, số động cơ: SAA6D114E-3; Máy đào bánh xích KOBELCO 350LC: xuất xứ: United states of America, năm sản xuất: 2007, số khung: YC08U1674, số động cơ: J08ETM10462; Xe đào bánh xích HUYNDAI ROBEX 2900LC-7: xuất xứ: KOREA (REPUBLIC), năm sản xuất: 2004, số khung: N80211200, số động cơ: D6AZ4092822 theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/6075862/HĐBĐ ngày 01/02/2018.

- Quyền sử dụng đất của thửa đất số 599, tờ bản đồ 02 tại Thôn Lương M, xã Phong Ch, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 567953 do UBND huyện Phong Điền cấp cho Ông Hoàng L và bà Lê Thị Y ngày 13/11/2009 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00212; Quyền sử dụng đất của thửa đất số 592, tờ bản đồ 02 tại Thôn Lương M, xã Phong Ch, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 567954 do UBND huyện Phong Điền cấp cho Ông

Hoàng Lvà bà Lê Thị Ý ngày 13/11/2009 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00212 theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2018/6075862/HĐBĐ ngày 23/11/2018.

Trường hợp, các tài sản thế chấp đã xử lý nhưng không đủ thanh toán nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam thì Công ty cổ phần DTA có nghĩa vụ, tiếp tục trả tiếp số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tài sản: Ngân hàng TMCP ĐPT Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 5.000.000đồng, đã nộp đủ.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty cổ phần DTA phải chịu: 114.512.912 đồng

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP ĐPT Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 57.027.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000496 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thu Hằng

